

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu
2. Bà Kim Thị Sà Mết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị L**, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.**

Chỗ ở hiện nay: **Ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**

- Bị đơn: Anh **Lâm Minh T**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị **Thạch Thị L** trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Chị **Thạch Thị L** và anh **Lâm Minh T** xây dựng hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu ngày 13/4/2012. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành, đã ly thân hơn 04 tháng nay. Hiện chị **L** đã về nhà mẹ ruột sinh sống tại **ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**. Sau khi cưới, chị **L** và anh **T** sống chung cha mẹ chồng, chị **L** làm dâu. Do anh **T** có người phụ nữ khác nên cuộc sống không hạnh phúc, từ đó chị **L** về nhà mẹ ruột ở cho đến nay.

Về con chung: Chị **L** và anh **T** có 02 người con chung là cháu **Lâm Thị Kiều M**, sinh ngày 13/9/2012 và cháu **Lâm Gia B**, sinh ngày 05/8/2016. Hiện hai cháu đang sống cùng chị **L** ở **N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**.

Về tài sản chung: Do sống chung cha mẹ chồng, làm nhiều lo cho con nên không tích lũy tài sản chung. Nợ chung không có. Từ đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **L** yêu cầu ly hôn với anh **T**. Về con chung, chị **L** yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về phía bị đơn anh **Lâm Minh T** không có lời khai trong hồ sơ. Lý do, Tòa án nhiều lần triệu tập anh **T** đến Tòa án làm việc nhưng anh **T** không đến; Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng anh **T** không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Thạch Thị L** đối với anh **Lâm Minh T**. Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu **Lâm Thị Kiều M**, sinh ngày 13/9/2012 và cháu **Lâm Gia B**, sinh ngày 05/8/2016 cho chị **L** nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị **L** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị **L** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 19 tháng 12 năm 2023, chị **L** nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với anh **Lâm Minh T**. Anh **T1** đăng ký thường trú tại **ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu**. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, chị **L** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng anh **T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không rõ lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị **L**, anh **T1** theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị **L** và anh **T1** tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2011, và đến năm 2012 có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã C, huyện V** theo giấy chứng nhận kết hôn số 30/2012, ngày 13/4/2012, nên hôn nhân giữa chị **L** và anh **T1** là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Theo **L** xác định quá trình chung sống, chị **L** và anh **T1** thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng chị **L** và anh **T1** đã ly thân hơn 04 tháng nay và hiện chị **L** đã về nhà mẹ ruột chị **L** sinh sống ở cùng **ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh**

Sóc Trăng. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **L** yêu cầu ly hôn với anh **T1**. Phía anh **T1** không có lời khai trong hồ sơ, do Tòa án triệu tập anh **T1** đến Tòa nhưng anh **T1** không đến, Tòa án đến nhà lấy lời khai thì anh **T1** không có nhà. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai chị **L** phù hợp với lời khai bà **Thạch Thị H** là mẹ ruột anh **T1**. Theo bà **H** xác định, anh **T1** và chị **L** chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do xuất phát từ kinh tế và vợ chồng thiếu tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Khi vợ chồng chị **L** mâu thuẫn thì bà **H** có khuyên ngăn. Phía anh **T1** có nói không hợp thì thôi (tức là ly hôn). Việc chị **L** nộp đơn ly hôn, anh **T1** có biết nhưng bận đi làm nên không về được. Từ khoảng tháng 10/2023, chị **L** đã dẫn 02 đứa con về nhà mẹ ruột chị **L** sinh sống cho đến nay.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa chị **L** và anh **T1** không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, chị **L** và anh **T1** đã ly thân hơn 04 tháng nay. Chị **L** không còn tình cảm với anh **T1**; bản thân anh **T1** cũng không tha thiết với cuộc hôn nhân này, bởi lẽ anh **T1** biết việc chị **L** nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng anh **T1** bỏ mặc, không đến Tòa án trình bày có muốn hàn gắn, đoàn tụ với chị **L** hay không; từ đó cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị **L** yêu cầu được ly hôn với anh **T1** là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **L** đối với anh **T1**.

[5]. Về con chung: Chị **L** và anh **T1** chung sống với nhau có 02 người con chung, cháu **Lâm Thị Kiều M**, sinh ngày 13/9/2012 và cháu **Lâm Gia B**, sinh ngày 05/8/2016, hiện cháu **M** và cháu **B** đang sống chung với chị **L**. Quá trình làm việc tại Tòa án, chị **L** yêu cầu nuôi cháu **M** và cháu **B**.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Quá trình thụ lý, Tòa án có tiến hành ghi nhận nguyện vọng của cháu **M** và cháu **B**. Cả cháu **M** và cháu **B** đều có nguyện vọng tiếp tục sống với chị **L** và không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng. Trên cơ sở yêu cầu của chị **L**, xem xét nguyện vọng của hai cháu **M** và cháu **B** và để đảm bảo sự ổn định ăn ở, học hành, sinh hoạt của cháu **M** và cháu **B**, cần giao cháu **M** và cháu **B** cho chị **Liên tiếp t** nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. **Anh T1** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, chị **L** không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **L** xác định, quá trình chung sống không có tạo lập tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị **L** phải chịu 300.000 đồng, chị **L** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003837 ngày 02 tháng 01 năm 2024 được chuyển thu án phí.

[9]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị **Thạch Thị L** đối với anh **Lâm Minh T**. Xử cho chị **Thạch Thị L** ly hôn với anh **Lâm Minh T**.

2. Về con chung: Giao cháu **Lâm Thị Kiều M**, sinh ngày 13/9/2012 và cháu **Lâm Gia B**, sinh ngày 05/8/2016 cho chị **Thạch Thị Liên tiếp t1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu **M** và cháu **B** đang sống cùng chị **L**.

Anh **Lâm Minh T** không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **L** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị **L** phải chịu 300.000 đồng, chị **L** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003837 ngày 02 tháng 01 năm 2024 được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Châu Hưng A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi